

## BỔ SUNG MỘT THỨ MỚI THUỘC CHI TRÁ BỒ ĐỀ - *THESPESIA SOLAND.* EX CORR. (MALVACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

ĐỖ THỊ XUYẾN

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Theo Borss. W. J. V., 1966-1967 [3], chi Trá bồ đề - *Thespesia* Soland. ex Corr. có khoảng 15 loài phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới của châu Phi và châu Á. Ở Việt Nam, chi này được biết có 2 loài là trá bồ đề (*Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Corr.) và trá nhỏ (*Thespesia lampas* (Cav.) Dalz. & Gibs.) [2]. Trong quá trình nghiên cứu các tài liệu và các mẫu vật của chi này ở Việt Nam, chúng tôi phát hiện được thứ trá nhỏ dài dài (*Thespesia lampas* var. *longisepala* W. J. V. Borss.). Thứ này đã được tìm thấy ở khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Như vậy, chi *Thespesia* ở Việt Nam hiện được ghi nhận có 2 loài, 1 thứ.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là các đại diện của chi *Thespesia* có ở Việt Nam, bao gồm các mẫu khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), Trường đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG Hà Nội (HNU) và các mẫu tươi thu

được trong các cuộc điều tra thực địa.

#### 2. Phương pháp

Chúng tôi áp dụng phương pháp truyền thống được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật từ trước đến nay là phương pháp so sánh hình thái.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### *Thespesia Soland. ex Corr.* - Trá bồ đề, Trá lâm vồ

Soland. ex Corr. 1807. Ann. Mus. Hist. Nat. (Paris) 9: 290; Mast. in Hook. f. 1875. Fl. Brit. Ind. 1: 345; Gagnep. 1910. Fl. Gen. Indoch. 1: 436; Backer & Bakh. f. 1965. Fl. Jav. 1: 435; W. Y. Chun & C. C. Chang, 1965. Fl. Hain. 2: 103; W. J. V. Borss. 1966-1967. Blumea, 14: 105; K. M. Kochummen, 1972. Tree Fl. Malay. 312; K. M. Feng, 1984. Fl. Reipubl. Pop. Sin 49(2): 91; T. Wu, 1990. Fl. Quangd. 2: 189; C. E. Chang, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 750; Puy & Telford. 1933. Fl. Aus. 50(2): 147.

*Typus:* *Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Corr.

#### Khóa định loại các loài và thứ thuộc chi *Thespesia* Soland. ex Corr. đã biết ở Việt Nam

- 1A. Cống hoa dài 2-3,5 cm. Đài hình dấu có 5 thùy hình ngọn giáo. Quả hình bầu dục. Hạt dài 0,3-0,5 cm, không có vân hay nốt.....1. *T. lampas*  
Khác với loài chuẩn bởi thùy đài hình ngọn giáo thuôn dài, dài 0,9-1,2 cm hay hơn. Quả hình bầu dục thuôn dài, gốc không cụt.....2. *T. lampas* var. *longisepala*
- 1B. Cống hoa dài 5-7 cm. Đài hình dấu nguyên hay chỉ hơi lượn sóng. Quả hình cầu hay gần hình thận. Hạt dài 0,6-0,9 cm, có lông màu nâu, vân hay nốt.....3. *T. populnea*

#### 1. *Thespesia lampas* (Cav.) Dalz. & Gibs. - Trá nhỏ

Dalz. & Gibs. 1830. Bomb. Fl. 19; Mast. In

Hook. f. 1875. Fl. Brit. Ind. 1: 345; Gagnep. 1910. Fl. Gen. Indoch. 1: 437. fig. 41; id. 1945. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 386; Backer & Bakh.

f. 1965. Fl. Jav. 1: 435; W. Y. Chun & C. C. Chang, 1965. Fl. Hain. 2: 103. fig. 345; W. J. V. Borss. 1966-1967. Blumea, 14: 116; Auct. 1972. Icon. Corn. Sin. 2: 819; K. M. Feng, 1984. Fl. Reip. Pop. Sin. 49(2): 91. fig. 24; T. Wu, 1990. Fl. Quangd. 2: 190; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 673; id. 1999. l. c. ed. 1: 532; N. T. Ban & D. T. Xuyen, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 568; M. Brink & R. P. Escobin 2003. Pl. Res. S-E. Asia, 17: 229.

*Hibiscus lampas* Cav. 1787. Dissert. 154, tab. 56, fig. 2; Blume, 1825. Bijdr. 2: 66, DC. 1828. Prodr. 1: 447; *Bupariti lampas* (Cav.) Rothm. in Fedde, 1944. Repert. 53: 7; Tra đại, Tra làm thừng, Phủ dang, Vau rừng.

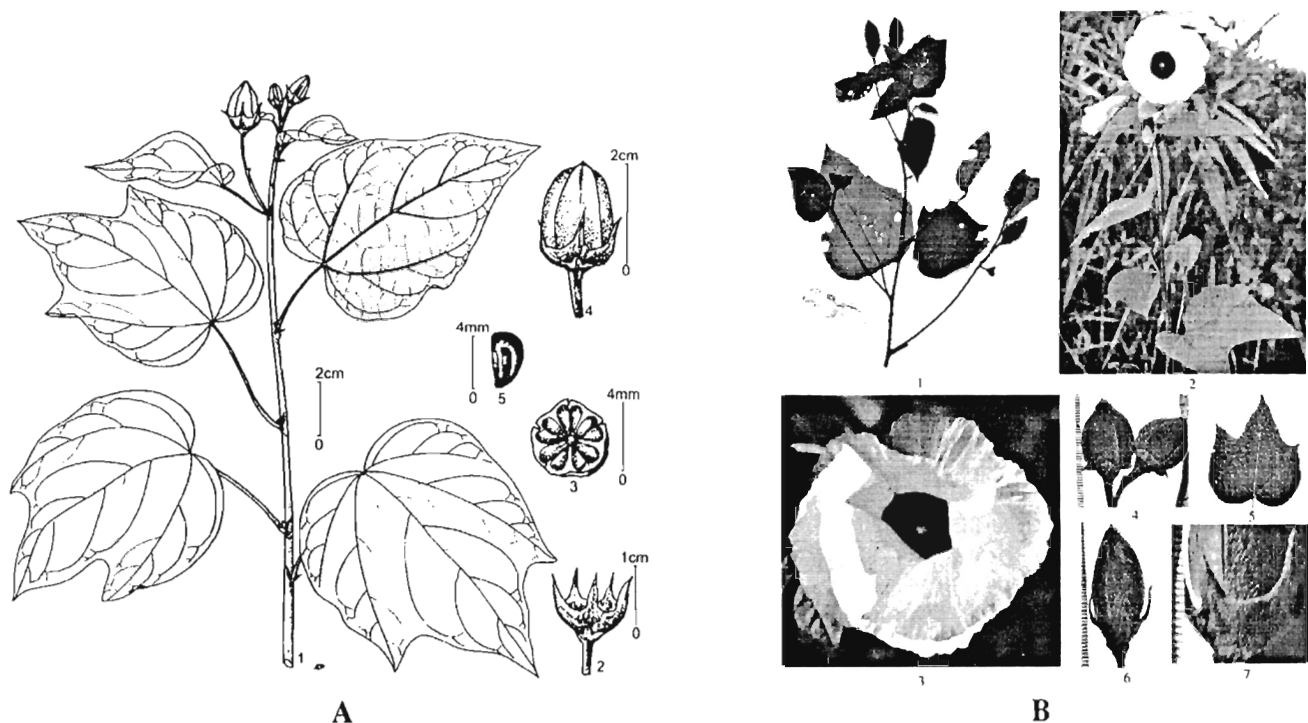
**Loc. class.:** Philippine. **Typus:** Sonnerat sine num. (NY, Iso.- P-JU-12356).

**Sinh học và sinh thái:** Mùa hoa quả tháng 11-2 (năm sau). Tái sinh bằng hạt hay cành tốt. Mọc rải rác ven rừng, nơi trống, trắng khô, ở độ cao dưới 500 m.

**Phân bố:** Sơn La, Cao Bằng, Hòa Bình

(Chi Nê), Lạng Sơn (Hữu Lũng: Bằng Mạc), Thanh Hóa (Hà Trung), Nghệ An (Quỳ Châu), Quảng Trị (Lao Bảo), Ninh Thuận (Phan Rang: Cà Ná), khu vực Tây Nguyên, Tây Ninh, Đồng Nai (Vườn quốc gia Nam Cát Tiên), Bà Rịa-Vũng Tàu (Bà Rịa). Còn có ở các nước châu Phi, Ấn Độ, Nê-pan, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Xri Lan-ca....

**Mẫu nghiên cứu:** Sơn La, sine coll. 19.12.92 (HN). - Hòa Bình, N. Đ. Ngõi sine num. (HNU-6648A). - Lạng Sơn, Chi Sâm 31, 72 & 97 (HNU). - Thanh Hóa, D. H. Thời sine num. (HNU). - Nghệ An, D. V. Thuấn 20 (HNF) - Kon Tum, LX-VN 2599 (HN, LE); L. K. Biên 916 (HM, HN); T. Đ. Lý 672 (HM, HN); N. H. Hiến 461 (HM, HN); Phương-Long-Tuấn 5 (HNPM). - Gia Lai, LX-VN 2461 (HN); B. Đ. Bình B334 (HNU); P. K. Lộc P2334 (HNU). - Đắk Nông, T. Đ. Lý 785 (HN); H. Tuế 378 (HN). - Ninh Thuận, Poilane 5757 (HM, P). - Lâm Đồng, Lèn 822 (HM). - Đồng Nai, CT 425a (HM).- Cochinchine, Poilane 519 (HM, P).



**Hình 1.** *Thespesia lampas* (Cav.) Dalz. & Gibs.

**A.** 1. cành mang hoa; 2. đài phụ và đài; 3. bầu cắt ngang; 4. quả; 5. hạt (hình do Nguyễn Quang Hưng vẽ theo mẫu L. K. Biên 916, HN). **B.** (2-5). *Thespesia lampas* (Cav.) Dalz. & Gilb: 2. cành mang hoa; 3. hoa; 4. quả; 5. lá; (1, 6-7). *Thespesia lampas* var. *longisepala* Borss: 1. cành mang hoa; 6. quả; 7. đài phụ (hình 2-3: P. K. Lộc, 2005; 4-5: Đ. T. Xuyên, chụp mẫu H. Tuế 378-HN; 1, 6-7: Đỗ Thị Xuyên, chụp mẫu 7318 -HN).

**2. *Thespesia lampas* var. *longisepala* W. J. V. Borss. - Tra nhỏ dài dài**

W. J. V. Borss. 1966-1967. Blumea, 14: 118.

Khác với loài chuẩn bởi thùy dài hình ngọn giáo thuôn dài, dài 0,9-1,2 cm hay hơn. Quả hình bầu dục thuôn dài, gốc không cụt (hình 1B: 1, 6-7).

**Loc. class.:** Borneo, Martapura.

**Typus:** Ramali 1930-bb 629 (BO).

**Sinh học và sinh thái:** Mùa ra hoa vào các tháng 9-11; có quả chín vào các tháng 11-12. Cây ưa sáng. Mọc ở ven rừng thứ sinh, trảng cây bụi, ven lùm bụi, ở độ cao tới 1200 m so với mặt biển.

**Phân bố:** Mới chỉ gặp ở Sơn La (Mộc Châu: Xuân Nha). Còn có ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a (Gia-va, Bóc-nê-ô).

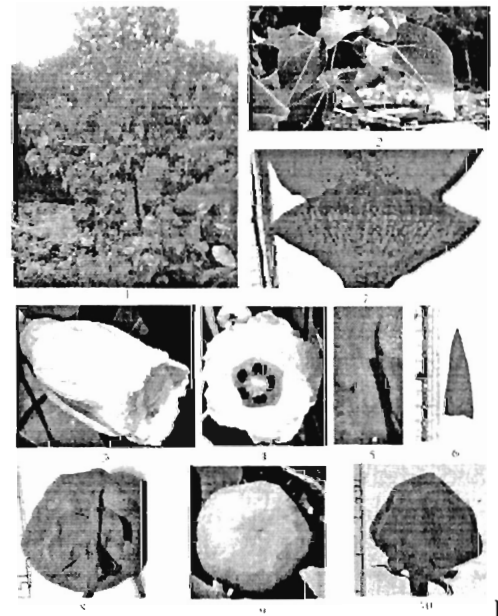
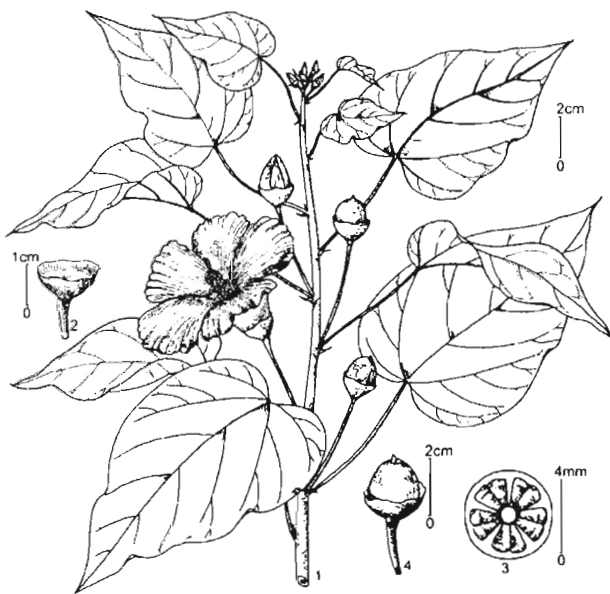
**Mẫu nghiên cứu:** Sơn La, V. X. Phương 7318 (HN).

**3. *Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Correa - Tra bồ đề**

Soland. ex Correa, 1807. Ann. Mus. Hist. Nat. (Paris) 9: 290. t. 8; DC. 1828. Prodr. 1: 456; Blume, 1825. Bijdr. 2: 73; Gagnep. 1910. Fl. Gen. Indoch. 1: 436; E. D. Merrill, 1935. Trans. Am. Philos. Soc. II. 24: 261; Gagnep.

1945. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 386; Backer & Bakh. f. 1965. Fl. Jav. 1: 435; W. Y. Chun & C. C. Chang, 1965. Fl. Hain. 2: 104; W. J. V. Borss. 1966-1967. Blumea, 14: 106; K. M. Kochummen, 1972. Tree Fl. Malay. 313. fig. 2; K. M. Feng, 1984. Fl. Reipubl. Pop. Sin 49(2): 93; T. Makino, 1989. Rev. Ill. Fl. Jap. 349; T. Wu, 1990. Fl. Quangd. 2: 190; Phamh. 1991. Illustr. Fl. Vietn. 1: 673; C. E. Chang, 1993. Fl. Taiwan ed. 3: 750. fig. 376; Puy & Telford. 1993. Fl. Aus. 50 (2): 147; K. Iwatsuki & al. 1999. Fl. Jap. 2(c): 138; Phamh. 1999. l. c. ed. 1: 532; N. T. Ban & D. T. Xuyen, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 568.

*Hibiscus populneus* L. 1753. Sp. Pl. 694; Lour. 1790. Fl. Cochinch. 423; id. 1793. l. c. ed. 509; *Malvaviscus populneus* (L.) Gaertn. 1791. Fruct. 2: 253, tab. 135, f. 3; *Thespesia populnea* var. *populneoides* (Roxb.) Pierre, 1888. Fl. For. Cochinch. 3. Pl. 173B; *Thespesia populnea* var. *macrocarpa* Pierre, 1888. Fl. For. Cochinch. 3. Pl. 173A; Gagnep. 1910. Fl. Gen. Indoch. 1: 437; *Thespesia populnea* var. *rheedii* Pierre, 1888. Fl. For. Cochinch. 3. Pl. 173A; Baker f. 1897. Journ. Bot. 35: 51; *Thespesia howii* S. Y. Hu. 1955. Fl. China Fam. 153: 27. pl. 22-3; W. Y. Chun & C. C. Chang, 1965. Fl. Hain. 2: 104.



**Hình 2.** *Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Correa

**A.** 1. cành mang hoa và quả; 2. đài; 3. bầu cắt ngang; 4. quả (hình do Nguyễn Quang Hưng vẽ theo mẫu V. X. Phương 5419, HN); **B.** *Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Correa: 1. dạng sống; 2. cành mang hoa; 3, 4. hoa; 5, 6. đài phụ; 7. đài; 8, 9, 10. quả (hình 1: V. X. Phương, 2005, Kiên Giang; 2-4, 9: D. Đ. Huyền, 2005, Quảng Ninh; 5-8, 10: Đ. T. Xuyen, 2006, chụp mẫu Đ. H. Phúc 417-HN).

**Loc. class.:** India. **Lectotypus:** Linnaeus 258 (LINN, Iso.- BM) (theo W. J. V. Borss. 1966-1967).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa quả quanh năm, chủ yếu vào các tháng 3-7. Mọc rải rác ven biển, vùng có nước thủy triều, vùng cửa sông, kênh rạch, ở độ cao dưới 500 m so với mặt biển.

**Phân bố:** Gặp ở hầu hết các tỉnh dọc bờ biển: từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, Cà Mau. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và các nước nhiệt đới khác ở châu Á và châu Phi.

**Mẫu nghiên cứu:** Quảng Ninh, L. Averyanov 309 & 392 (HN, LE); V. X. Phương 5303, 5161, 5419, 5033 (HN); Tiến 12 (HN), D. Kinh 40 (HNF). - Quảng Nam, Poilane 27412 (HM, P). - Khánh Hòa, L. Averyanov 86 (HN, LE). - Ninh Thuận, N. K. Đào 01 (HN). - Bình Thuận, Errard 1585 (HM, P). - Bà Rịa - Vũng Tàu, L. Averyanov 869 (HN, LE). - Bến Tre, Đ. H. Phúc 417 (HN). - Kiên Giang, V. X. Phương 10218 & 10192 (HN).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Backer C. A. & Bakhuizen C. R.**, 1963: Flora of Java, 1: 421-436. Netherland.
2. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 556-668. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Borss. W. J. V.**, 1966-1967: Blumea, 14: 1-213. Leiden, Netherlands.
4. **Chang C. E.**, 1993: Flora of Taiwan. 3: 737-753. Narberth, Taiwan.
5. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb. Y học, tp. Hồ Chí Minh.
6. **Feng K. M.**, 1984: Flora Reipublicae Popularis sinicae, 49(2): 223-309. Science Press, Beijing.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 1991: Cây cỏ Việt Nam, 1: 656-657. Santa Ana. Montreal.
8. **Gagnepain F. in H. Lecomte**, 1910: Flore générale de L'Indo-chine, 1(2): 438-443. Paris.
9. **Masters M. T. in Hooker D. J.**, 1875: Flora of British India, 1: 317-353. London.
10. **Puy D. J. D. & I. R. H. Telford**, 1991: Flora of Australia, 50(2): 143-154. Canberra, Australia.

## ONE NEW VARIETY OF THE GENUS *THESPESIA* SOLAND. EX CORR. (MALVACEAE JUSS.) FOR THE FLORA OF VIETNAM

DO THI XUYEN

### SUMMARY

According to Borss. W. J. V., 1966-1967, the genus *Thespesia* Soland. ex Corr. had about 15 species in the world. In Vietnam, there were 2 species : *Thespesia populnea* (L.) Soland. ex Corr. and *Thespesia lampas* (Cav.) Dalz. & Gibs. They were all easy to recognize in the nature.

During the study of specimens and documents of Malvaceae collected in Vietnam, we have found one new occurrence variety of the genus *Thespesia*: *Thespesia lampas* var. *longisepala* W. J. V. Borss. for the flora of Vietnam. It differed from the species variety type as lobed-sepal lanceolata-oblong, ca 0.9-1.2 cm long or more. Fruit ellipsoid-oblong, without truncate at base. While type had lobed-sepal lanceolata with apex acute such as teeth, ca 0.4-0.8 cm long; fruit ellipsoid, near ovate, truncate at base.

Ngày nhận bài: 28-8-2009